

Số: 27/2020/QĐ-UBND

An Giang, ngày 03 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định về phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 212/TTr-STNMT ngày 14 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

1. Phạm vi áp dụng:

- Quyết định này quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo phân cấp tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Đối với các nội dung chi ngân sách nhà nước về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, chi hoạt động thường xuyên) không thuộc phạm vi áp dụng Quy định này.

2. Đối tượng áp dụng:

Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường:

a) Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí chi nhiệm vụ bảo vệ môi trường do các cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện theo phân cấp;

b) Nguồn khác theo quy định của pháp luật.

4. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường:

Thực hiện theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định về phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

5. Mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

Mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang được thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

6. Những nội dung khác không được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường. Trường hợp các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2020 và thay thế Quyết định số 32/2008/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: TC, TNMT;
- Cục Kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Hội đoàn thể tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Thư

PHỤ LỤC

MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung, mức chi tối đa (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án:			
1.1	Lập nhiệm vụ	nhiệm vụ	1.000- 2.000	<i>Tùy theo mức độ phức tạp của dự án</i>
1.2	Lập dự án	dự án	3.000 - 5.000	
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư	dự án	Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư	
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có):			
-	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	<i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
-	Thành viên, thư ký	người/buổi	300	
-	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	500	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	bài viết	300	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	bài viết	400	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i>
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	phiếu mẫu được duyệt	400	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
-	Cá nhân	phiếu	40	
-	Tổ chức	phiếu	80	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	người/ngày công	Mức tiền công 01 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung, mức chi tối đa (1.000 đồng)	Ghi chú
4.4	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100	<i>Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên</i>
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	160	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:			
-	Nhiệm vụ	báo cáo	4.000	<i>Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ</i>
-	Dự án	báo cáo	8.000 - 12.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có):			
-	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	550	
-	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	người/buổi	450	
-	Ủy viên, thư ký hội đồng	người/buổi	200	
-	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100	
-	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	bài viết	400	
-	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	200	
-	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03 bài viết)	bài viết	300	
7	Hội thảo khoa học (nếu có):			
-	Người chủ trì	người/buổi	400	
-	Thư ký hội thảo	người/buổi	200	
-	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100	
-	Báo cáo tham luận	bài viết	250	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ:			
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
-	Chủ tịch hội đồng	người/buổi	300	
-	Thành viên, thư ký	người/buổi	150	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung, mức chi tối đa (1.000 đồng)	Ghi chú
8.2	Nghiệm thu dự án:			
-	Chủ tịch Hội đồng		550	
-	Thành viên, thư ký hội đồng	người/buổi	300	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	400	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	300	
-	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã:			
9.1	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,5 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang nhân với mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	<i>Tùy thuộc vào khả năng của ngân sách địa phương, yêu cầu công việc cần hợp đồng và cân đối với các lĩnh vực khác của địa phương</i>
9.2	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.	<i>Tùy thuộc vào khả năng của ngân sách địa phương, yêu cầu công việc cần hợp đồng và cân đối với lĩnh vực khác của địa phương</i>
10	Chi giải thưởng môi trường:			
10.1	Trung ương:			<i>Điều 49 NĐ số 19/2015/NĐ-CP của Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Tài chính quy định cụ thể mức chi cho giải thưởng về bảo vệ môi trường. Mức</i>
-	Tổ chức	người/giải	8.000 - 20.000	
-	Cá nhân	người/giải	5.000 - 15.000	
10.2	Địa phương:			
-	Tổ chức	người/giải	Mức chi giải thưởng môi trường ở địa	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung, mức chi tối đa (1.000 đồng)	Ghi chú
-	Cá nhân	người/giải	phương bằng 80% mức chi cấp Trung ương	<i>chi theo Văn bản số 2289/VPCP- TCCB ngày 28/4/2006 của Văn phòng Chính phủ</i>
11	Chi bài nhận xét, đánh giá cho thành viên thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung (tối đa không quá 05 bài viết)	Bài viết	400	